

Bản thỏa thuận

Họ tên cha

Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn

Địa chỉ

Số chứng minh nhân dân

Họ tên mẹ

Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn

Địa chỉ

Số chứng minh nhân dân

Tất cả họ và chữ họ nguyên bản của con cái được sinh ra giữa cha và mẹ ở trên thỏa thuận quyết định theo họ và chữ họ nguyên bản của mẹ.

20

Cha Đóng dấu (Ký tên)

Mẹ Đóng dấu (Ký tên)

- Dán vào: 1. Bản sao giấy chứng minh nhân dân có thể xác nhận nhân thân của người đệ trình (bằng lái xe, hộ chiếu , thẻ nhân viên công vụ v...v...): 1 bản
2. Một bên liên quan kết hôn không hiện diện hay cả hai bên kết hôn không hiện diện giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong hoặc công chứng về chữ ký của cả hai bên: 1 bản Hết

※ Vấn đề cần chú ý

1. Trường hợp một bên liên quan kết hôn không hiện diện hay cả hai bên không hiện diện, người liên quan không hiện diện chắc chắn phải đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong hoặc giấy công chứng về chữ ký.
- 2 Trường hợp sử dụng chữ ký hoặc dấu ấn niêm phong của người khác làm bản thỏa thuận giả đệ trình theo điều 231 đến điều 237 mục 2 「Luật hình sự」 quy định hình phạt tù lao động khổ sai từ 5 năm trở xuống hoặc 10 triệu uôn.

[Đính kèm 1]

Bản thỏa thuận [협의서]

- ※ Tên của bố. (부의 이름)
 - Điền tên của bố. (부의 이름을 기재해 주세요.)
 - ※ Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn. (등록 기준지)
 - .Nơi đăng ký thường trú của bố. (부의 등록 기준지를 기재해 주세요.)
 - ※ Địa chỉ. (주소)
 - Địa chỉ của bố. (부의 주소를 기재해 주세요.)
 - ※ Số chứng minh nhân dân. (주민등록번호)
 - Số chứng minh nhân của bố. (부의 주민등록번호를 기재해 주세요.)
 - ※ Tên của mẹ. (모의 이름)
 - Điền tên của mẹ. (모의 이름을 기재해 주세요.)
 - ※ Nơi đăng ký thường trú (등록 기준지)
 - Nơi đăng ký thường trú của mẹ. (모 등록 기준지를 기재해 주세요.)
 - ※ Địa chỉ. (주소)
 - Điền địa chỉ của mẹ. (모 주소를 기재해 주세요.)
 - ※ Số chứng minh nhân dân. (주민등록번호)
 - Điền số chứng minh nhân dân của mẹ. (모 주민등록번호를 기재해 주세요.)
- ❖ Tất cả họ và chữ họ nguyên bản của con cái được sinh ra giữa cha và mẹ ở trên thỏa thuận quyết định theo họ và chữ họ nguyên bản của mẹ.
(위의 부모 사이에서 태어날 모든 자식의 이름과 본적을 어머니의 이름과 본적으로 하기로 협의합니다).
- Ngày dựng lên bản đăng ký(작성 일자를 기재해 주세요.)
 - Ghi tên và chữ ký của bố. (부의 이름을 기재하고 날인하세요.)
 - Ghi tên và chữ ký của mẹ. (모의 이름을 기재하고 날인하세요.)
- ❖ Hồ sơ kèm theo (첨부 서류)
- 1 Bản sao giấy chứng minh nhân dân có thể xác nhận, nhân thân của người nộp: 1 bản.
(제출인의 신분을 확인할 수 있는 주민등록증 사본 1부)
Bản sao bằng lái xe, hộ chiếu , thẻ nhân viên công vụ v...v...): 1 bản..
(운전면허증, 여권, 공무원증 등. 사본 1부)
 - 2 Một bên liên quan kết hôn không hiện diện hay cả hai bên kết hôn không hiện diện giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong hoặc công chứng về chữ ký của cả hai bên: 1 bản.
(출석하지 않은 혼인당사자 일방 또는 쌍방의 인감증명서, 서명에 대한 공증서 1부.)

❖ **Vấn đề cần chú ý. (유의 사항)**

1 Trường hợp một bên liên quan kết hôn không hiện diện hay cả hai bên không hiện diện, người liên quan không hiện diện vậy phải đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong hoặc giấy công chứng về chữ ký.

(혼인당사자 중 일방 또는 쌍방이 불출석한 경우, 불출석한 당사자의 인감증명서 또는 서명에 대한 공증서를 반드시 첨부하여야 합니다.)

2 Trường hợp sử dụng chữ ký hoặc dấu ấn niêm phong của người khác làm bản thỏa thuận giả để nộp theo điều 231 đến điều 237 mục 2 「Luật hình sự」 quy định hình phạt tù lao động khổ sai từ 5 năm trở xuống hoặc 10 triệu uôn..

(타인의 서명 또는 인장의 도용 등으로 허위의 협의서를 작성하여 제출하는 경우에는 「형법」 제231조부터 제237조 의2까지의 규정에 따라 5년 이하의 징역 또는 1천만원 이하의 벌금형에 처해집니다.)